

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các Nghị định số: Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các Thông tư số: 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017, 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020, 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Hà Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế các Quyết định số: 32/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016, 34/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của UBND Hà Nam “Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Hà Nam”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; | (để báo cáo)
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPQL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh;
- UBMTTQ, các đoàn thể tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các CV liên quan;
- Lưu: VT, GTXD (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Dương

QUY ĐỊNH

**Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông
đường bộ địa phương, tỉnh Hà Nam**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32 /2023/QĐ-UBND ngày 12 /7 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ, sử dụng, khai thác và xây dựng các công trình thiết yếu, đầu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác và xây dựng các công trình thiết yếu, đầu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thẩm định, thẩm tra an toàn giao thông đường bộ trên hệ thống đường địa phương, tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Phạm vi quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện theo nội dung Chương V, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010; Điều 1, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính Phủ; Chương II, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và khoản 1, khoản 2, Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải”.

Điều 4. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Sở Giao thông vận tải quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị và Cầu treo và cầu trên đường GTNT do xã quản lý có quy mô gồm: cầu dàn thép và cầu dầm có khẩu độ nhịp từ 50m trở lên; các cầu cấp II trở lên;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường giao thông nông thôn (trừ đường huyện) thuộc địa bàn quản lý do Nhà nước đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư trên các tuyến đường xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng;
- Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường chuyên dùng.

Chương II

SỬ DỤNG KHAI THÁC VÀ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU, BIÊN QUẢNG CÁO TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5: Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2010; Điều 10, Điều 11, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015; Khoản 3, khoản 4 Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 và các quy định tại Quyết định này.

2. Việc sử dụng hành lang an toàn ở nơi đường bộ, đường sắt chồng lấn phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan quản lý đường sắt có thẩm quyền.

3. Việc quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được.

4. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi có tuyến tránh ngập và các dự án khác có tuyến tránh:

a) Kinh phí xây dựng tuyến tránh do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm.

b) Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đối với hệ thống đường địa phương phải có ý kiến thỏa thuận của Cơ quan có thẩm quyền theo Điều 4 tại quy định này thỏa thuận đối với hệ thống đường được giao quản lý.

Điều 6. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Loại công trình thiết yếu, yêu cầu thực hiện các quy định xây dựng công trình thiết yếu trong và ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định cụ thể tại Điều 12, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và khoản 5 Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 7. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

1. Thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường huyện, đường đô thị.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường xã.

d) Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đường chuyên dùng chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường chuyên dùng do đơn vị quản lý.

e) Đối với các tuyến đường xây dựng mới, chủ đầu tư dự án chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trên phạm vi dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án chấp thuận chủ trương.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu đối với đường địa phương như mẫu quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

3. Thời hạn giải quyết như quy định tại khoản 6 Điều 13 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT.

4. Trình tự, cách thức thực hiện như quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu; chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định này chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu cùng thời điểm với cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của các tuyến đường bộ được giao quản lý.

Điều 8: Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu phải hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận, tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế, phê duyệt dự án theo

quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công đến các cơ quan có thẩm quyền theo Điều 4 tại quy định này để được xem xét giải quyết.

1. Thẩm quyền cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu

a) Việc cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của các cơ quan được nêu tại Khoản 1, Điều 7 quy định này,

b) Sở Giao thông vận tải cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường huyện, đường đô thị.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trên hệ thống đường xã (không bao gồm đường đô thị), đường giao thông nông thôn.

e) Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đường chuyên dùng cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường chuyên dùng do đơn vị quản lý.

f) Đối với các tuyến đường xây dựng mới, Chủ đầu tư dự án cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường thuộc dự án.

2. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu.

a) Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của các cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 8 của Quy định này; chủ đầu tư công trình thiết yếu hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo nội dung văn bản chấp thuận, tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế theo quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công đến các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để được xem xét giải quyết.

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu đối với đường địa phương như quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

c) Thời hạn giải quyết như quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT.

d) Trình tự, cách thức thực hiện như quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015.

e) Cơ quan cấp giấy phép thi công công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm kiểm tra, tham gia nghiệm thu và tham gia xác nhận hết bảo hành đối với công tác hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do thi công xây dựng, sửa chữa công trình thiết yếu.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu

Nội dung trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu được thực hiện theo nội dung chi tiết tại Điều 15, Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 và khoản 8 Điều 1, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải. Trong đó lưu ý: Số tiền bảo hành chỉ được trả cho nhà thầu thi công xây dựng công trình thiết yếu sau khi có văn bản xác nhận hết bảo hành của chủ đầu tư và cơ quan quản lý đường bộ đã thực hiện cấp phép.

Điều 10. Xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác

1. Nguyên tắc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác như quy định tại Điều 16 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác được phân cấp như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường tỉnh ngoài đô thị;

b) UBND cấp huyện chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị, đường xã thuộc phạm vi quản lý và đường tỉnh trong đô thị trên cơ sở thống nhất bằng văn bản với Sở Giao thông vận tải.

3. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng, thủ tục cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

Điều 11. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, Chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết;

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ báo cáo về cấp quyết định đầu tư để xem xét, quyết định;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường địa phương phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng tuyến đường;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 8, Quy định này để được cấp Giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 12. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ, chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Quy định này để được xem xét giải quyết (Trừ trường hợp Chủ đầu tư là cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4).

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên đường bộ địa phương đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý có thẩm quyền theo Điều 3, quy định này để được xem xét cấp Giấy phép thi công.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công như quy định tại khoản 3, Điều 18, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

4. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

5. Thời hạn giải quyết như quy định tại khoản 5, Điều 18, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

6. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, cục bộ đường bộ đang khai thác do Sở Giao thông vận tải là chủ đầu tư hoặc các cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 4, Quy định này làm chủ đầu tư công trình trong phạm vi quản lý, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi

thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Điều 4, Quy định này hồ sơ có liên quan gồm: quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

7. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

Chương III

QUẢN LÝ ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO HỆ THỐNG ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 14. Đầu nối đường nhánh vào hệ thống đường địa phương

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, bao gồm.

a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị, đường thôn xóm, đường trục chính nội đồng.

b) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp.

c) Đường gom.

d) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội (các nhà máy, trụ sở, văn phòng làm việc, trạm kinh doanh xăng dầu...).

2. Đường nhánh đầu nối vào đường huyện bao gồm.

a) Đường xã, đường đô thị, đường thôn xóm, đường trục chính nội đồng.

b) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp.

c) Đường gom.

d) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội (các nhà máy, trụ sở, văn phòng làm việc, trạm kinh doanh xăng dầu...)

3. Đường nhánh đầu nối vào đường xã bao gồm.

a) Đường đô thị, đường thôn xóm, đường trục chính nội đồng.

b) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp.

c) Đường gom.

d) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội (các nhà máy, trụ sở, văn phòng làm việc, trạm kinh doanh xăng dầu...).

4. Nguyên tắc đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị:

a) Việc đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị phải phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không đấu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của cầu, hầm đường bộ, cầu phao đường bộ, bến phà đường bộ;

c) Không đấu nối, sử dụng chung nút giao đường sắt với đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị.

5. Yêu cầu đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị

a) Đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối theo quy định tại Điều 15 của Quy định này;

b) Có đủ quỹ đất để thiết kế, xây dựng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của nút giao theo yêu cầu của tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô hiện hành;

c) Không đấu nối vào bụng đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu thông thường theo cấp đường quy hoạch; lưng đường cong có bố trí siêu cao; trong đoạn đường dốc có độ dốc dọc lớn hơn độ dốc dọc lớn nhất theo cấp đường đang khai thác; trong khu vực địa hình không bảo đảm tầm nhìn lái xe.

6. Thiết kế nút giao đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của đường chính.

7. Tổ chức, cá nhân được giao đầu tư xây dựng, sử dụng điểm đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị phải lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp phép thi công theo quy định tại Điều 17 của Quy định này.

a) Đối với điểm đấu nối vào đường tỉnh của dự án, công trình do Sở Giao

thông vận tải là chủ đầu tư thực hiện theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải thực hiện thủ tục đấu nối vào đường tỉnh;

b) Đối với điểm đấu nối vào đường tỉnh của dự án, công trình do các đơn vị khác làm chủ đầu tư đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định thiết kế kỹ thuật, thực hiện theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải thực hiện thủ tục chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối vào đường tỉnh, chỉ thực hiện thủ tục cấp phép thi công xây dựng nút giao đấu nối vào đường tỉnh.

c) Đối với điểm đấu nối vào đường huyện, đường đô thị của dự án, công trình do UBND huyện là người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư, thực hiện theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải thực hiện thủ tục đấu nối vào đường huyện, đường đô thị.

d) Đối với điểm đấu nối vào đường xã của dự án, công trình do UBND xã là người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư, thực hiện theo thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải thực hiện thủ tục đấu nối vào đường xã.

8. Trường hợp sử dụng chung điểm đấu nối, chỉ áp dụng cho một công trình, dự án cùng phía tiếp giáp trực tiếp với đường nhánh của nút giao điểm đấu nối hiện hữu, không làm phát sinh điểm đấu nối mới. Cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tại Điều 4 Quy định này quyết định việc sử dụng chung điểm đấu nối hiện hữu vào đường do mình quản lý. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung điểm đấu nối phải thực hiện cải tạo nút giao sau khi được cơ quan đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công theo quy định.

9. Việc quản lý, sử dụng đất để làm đường nhánh đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị quy định tại Điều này phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 15. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị

1. Đối với hệ thống đường tỉnh:

a) Đối với đoạn tuyến đường tỉnh nằm trong phạm vi địa giới hành chính của nội thành, nội thị (phường, thị trấn), khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đấu nối

không nhỏ hơn trị số tối thiểu giữa hai đường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

b) Đối với đoạn tuyến đường tỉnh nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối như sau:

Đối với các tuyến đường tỉnh không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.000 mét, đối với đường cấp IV không nhỏ hơn 500 mét, đối với đường cấp V trở xuống không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề nhưng việc đầu nối đường nhánh phải đảm bảo nguyên tắc an toàn giao thông và đáp ứng điều kiện khai thác chung của tuyến đường chính.

Đối với các tuyến đường tỉnh có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp III không nhỏ hơn 500 mét, đối với tuyến đường cấp IV không nhỏ hơn 300m, đối với đường cấp V trở xuống không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề nhưng việc đầu nối đường nhánh phải đảm bảo nguyên tắc an toàn giao thông và đáp ứng điều kiện khai thác chung của tuyến đường chính.

2. Đối với đường huyện

a) Đối với đoạn tuyến đường huyện nằm trong phạm vi địa giới hành chính của nội thành, nội thị (phường, thị trấn), khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn trị số tối thiểu giữa hai đường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

b) Đối với đoạn tuyến đường huyện nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối như sau:

Đối với các tuyến đường huyện không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với đường cấp IV không nhỏ hơn 500 mét, đối với đường cấp V trở xuống không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề nhưng việc đầu nối đường nhánh phải đảm bảo nguyên tắc an toàn giao thông và đáp ứng điều kiện khai thác chung của tuyến đường chính.

Đối với các tuyến đường huyện có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp IV không nhỏ hơn 300m, đối với đường cấp V trở xuống không quy định khoảng cách tối thiểu

giữa hai điểm đầu nối liền kề nhưng việc đầu nối đường nhánh phải đảm bảo nguyên tắc an toàn giao thông và đáp ứng điều kiện khai thác chung của tuyến đường chính.

3. Đối với đường đô thị

Đường nhánh đầu nối vào đường đô thị theo quy hoạch giao thông đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với đường xã, đường chuyên dùng.

Không quy định khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía vào đường xã, đường chuyên dùng nhưng việc đầu nối đường nhánh phải đảm bảo nguyên tắc an toàn giao thông và đáp ứng điều kiện khai thác chung của tuyến đường chính.

Điều 16. Chấp thuận các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị

Tổ chức, cá nhân được giao làm Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao đầu nối có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền sau đây chấp thuận điểm đầu nối:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận các điểm đầu nối vào đường tỉnh phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ nguyên tắc, yêu cầu đầu nối tại Quy định này; chịu trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối bảo đảm giao thông an toàn và khả năng thông hành của tuyến đường.

Trường hợp điểm đầu nối nằm trong khu vực có địa hình khó khăn trong việc xây dựng đường gom do hành lang đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối, đường sắt và các chướng ngại vật khác khó khăn trong việc di dời hoặc điểm đầu nối từ các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình trọng điểm quốc gia, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đầu nối vào đường tỉnh, Sở Giao thông vận tải chấp thuận sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận các điểm đầu nối vào đường huyện, đường đô thị phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ nguyên tắc, yêu cầu đầu nối tại Quy định này; chịu trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối bảo đảm giao thông an toàn và khả năng thông hành của tuyến đường.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận các điểm đầu nối vào đường xã phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ nguyên tắc, yêu cầu đầu nối tại Quy định này; chịu trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối bảo đảm giao thông an toàn và khả năng thông hành của tuyến đường.

d) Đối với dự án đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, nắn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh, ngay từ bước lập dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phải căn cứ vào các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xác định vị trí và quy mô của nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị.

e) Đối với các tuyến đường đang được đầu tư xây dựng mới, chưa được phân loại đường, trường hợp có yêu cầu bổ sung các điểm đầu nối đường nhánh vào tuyến đường đang đầu tư xây dựng, chủ đầu tư dự án tuyến đường đang xây dựng: chấp thuận điểm đầu nối; chịu trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối bảo đảm giao thông an toàn và khả năng thông hành của tuyến đường; chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối và cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối.

Điều 17. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối và cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối

1. Trình tự thủ tục chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối.

a) Trước khi xây dựng, nâng cấp, cải tạo nút giao; chủ công trình, dự án được giao sử dụng điểm đầu nối thuộc danh mục các điểm đầu nối đã được chấp thuận, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối.

b) Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào đường địa phương được quy định như đối với công trình thiết yếu tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này.

c) Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối theo mẫu quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT. Thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

d) Thời hạn của văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao như quy định tại khoản 7 Điều 26 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

e) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối.

Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình nút giao đầu nối phải hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối theo văn bản

chấp thuận, tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế, phê duyệt dự án theo quy định hiện hành và gửi hồ sơ đề nghị cấp phép thi công đến các cơ quan có thẩm quyền theo Điều 4 tại Quy định này để được xem xét giải quyết.

a) Việc cấp phép thi công xây dựng công xây dựng nút giao đầu nối vào đường tỉnh chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối của các cơ quan được nêu tại Khoản 1, Điều 7 Quy định này,

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công nút giao đầu nối như quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

c) Thời hạn giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

d) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

e) Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hoàn thành và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

f) Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao, khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị chấp thuận bằng văn bản.

g) Hết thời hạn thi công Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thi công, thời gian gia hạn thi công phải phù hợp với tiến độ dự án, công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường địa phương đang khai thác

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc. Chủ công trình, dự án phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi **01**(một) bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Điều 7, Quy định này xem xét chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường địa phương.

2. Hồ sơ đề nghị đầu nối tạm thời như quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm quy định tại Khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá **12 tháng** (mười hai tháng), trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá **24 tháng** (hai mươi bốn tháng). Hết thời hạn, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như hiện trạng ban đầu.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn **24 tháng** (hai mươi bốn tháng), phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong danh mục vị trí các điểm đầu nối đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Chương IV

THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ BẢO ĐẢM GIAO THÔNG, AN TOÀN GIAO THÔNG KHI THI CÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC

Điều 19. Các quy định về thẩm định an toàn giao thông đường bộ thực hiện theo các nội dung Chương VII - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 20. Các quy định về bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác thực hiện theo quy định tại Chương VI - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan

1. Sở Giao thông vận tải

a) Quản lý thực hiện và thoả thuận quy hoạch việc xây dựng đối với các dự án liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, quốc lộ được uỷ thác.

c) Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông:

Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao;

Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cưỡng chế để giải tỏa;

Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ; xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến giao dục pháp luật về quản lý bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải tỏa các công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Công an tỉnh.

Có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng công an tăng cường công tác kiểm tra, xử lý xe quá khổ, quá tải và các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; Chủ trì và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan xây dựng các phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng trong việc xử lý, cưỡng chế, giải toả các vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng.

Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong đô thị; kiểm tra việc chấp hành xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy hoạch đô thị và quy hoạch giao thông đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sở Công thương

Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và hoạt động kinh doanh của các cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 22. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Lập quy hoạch và công bố quy hoạch các tuyến đường huyện thuộc phạm vi quản lý để phục vụ tốt cho công tác quản lý và các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

2. Chỉ đạo UBND cấp xã thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan xử lý kịp thời các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền.

3. Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giải toả, cưỡng chế vi phạm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

4. Chủ trì, tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các quy định về đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn quản lý để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân.

5. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật, thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình; kịp thời phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ thực hiện việc khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra để khôi phục và đảm bảo giao thông thông suốt trên địa bàn.

7. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị theo đúng quy định hiện hành.

Điều 23. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền.

2. Xây dựng kế hoạch, huy động lực lượng tham gia công tác giải toả, cưỡng chế vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch.

3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý theo đúng quy định hiện hành và báo cáo kịp thời về UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng để xử lý.

Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm chính trong công tác quản lý, bảo vệ công trình đường bộ và đất của đường bộ. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ; các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ. Ngay khi phát hiện đơn vị quản lý đường bộ phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm; nếu cần thiết, phải áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ. Có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra đường bộ và chính quyền địa phương thực hiện giải toả công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.